

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng
phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trên địa bàn tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 6 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Phí và Lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 153/TTr-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban

nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 04/BC-HĐND ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trên địa bàn tỉnh với các nội dung như sau

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng

a) Người nộp phí: Các cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trên địa bàn tỉnh thực hiện thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, thẩm định lại báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

b) Tổ chức thu phí: Sở Tài nguyên và Môi trường.

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến kê khai, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trên địa bàn tỉnh.

3. Mức thu phí

a) Đối với trường hợp thẩm định lần đầu:

Số TT	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Mức phí đối với các nhóm dự án (triệu đồng)					
		1. Dự án công trình dân dụng	2. Dự án hạ tầng kỹ thuật (trừ dự án giao thông)	3. Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi	4. Dự án giao thông	5. Dự án công nghiệp	6. Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường và các dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2, 3, 4, 5)
1	Đến 10	8,0	8,6	8,8	9,2	9,6	6,0
2	Trên 10 đến 20	12,5	13,0	13,5	14,0	15,0	9,0
3	Trên 20 đến 50	14,7	15,4	15,8	16,1	16,8	10,5
4	Trên 50 đến 100	26,2	26,6	27,3	28,7	30,1	18,9

Số TT	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Mức phí đối với các nhóm dự án (triệu đồng)					
		1. Dự án công trình dân dụng	2. Dự án hạ tầng kỹ thuật (trừ dự án giao thông)	3. Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi	4. Dự án giao thông	5. Dự án công nghiệp	6. Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường và các dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2, 3, 4, 5)
5	Trên 100 đến 200	29,0	29,4	30,1	31,5	32,9	21,0
6	Trên 200 đến 500	37,8	38,5	39,2	41,3	43,4	27,3
7	Trên 500 đến 1.000	42,7	43,4	44,4	46,2	48,3	30,8
8	Trên 1.000 đến 1.500	45,5	46,9	48,0	50,4	52,5	33,6
9	Trên 1.500 đến 2.000	46,9	47,6	49,0	51,4	53,6	34,3
10	Trên 2.000 đến 3.000	49,0	49,7	51,1	53,2	55,3	35,7
11	Trên 3.000 đến 5.000	50,8	51,8	53,2	55,3	57,4	37,1
12	Trên 5.000 đến 7.000	53,9	54,6	56,0	58,8	60,9	39,2
13	Trên 7.000	58,8	60,2	61,6	64,4	67,2	42,7

Đối với các dự án thuộc từ 02 nhóm trở lên thì áp dụng mức phí của nhóm có mức thu phí cao nhất.

b) Đối với trường hợp thẩm định lại: Mức thu phí bằng 50% mức thu phí thẩm định lần đầu tương ứng.

4. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí

a) Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thu bằng đồng Việt Nam. Người nộp phí thực hiện nộp phí theo từng lần phát sinh.

b) Tổ chức thu phí được để lại 80% tổng số tiền phí thu được; phần còn lại 20% số phí thu được nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định. Tiền phí được để lại phải quản lý và sử dụng theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí; trong đó, các khoản chi khác liên quan đến thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí, bao gồm cả: Chi phí kiểm tra, đánh giá tại cơ sở, tại địa điểm thực hiện dự án và tổ chức họp của hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (chi lấy ý kiến, bản nhận xét thẩm định, báo cáo thẩm định); mức chi theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

c) Các nội dung khác liên quan đến việc kê khai, thu, nộp, quản lý, sử dụng phí được thực hiện theo quy định Luật Phí và lệ phí năm 2015, Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí, Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận khoá XI, kỳ họp thứ 6 (chuyên đề) thông qua ngày 25 tháng 01 năm 2022, có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 02 năm 2022 và thay thế Nghị quyết số 44/2018/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết trên địa bàn tỉnh./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban công tác Đại biểu - UBTV Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh,
Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bình Thuận;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành và đoàn thể tỉnh;
- Các Văn phòng: ĐDBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước Bình Thuận;
- HĐND và UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công thông tin điện tử Chính phủ;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT. (CTHĐ.08) Duy

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hoài Anh